

Số: 04/QĐ-CTK

Bắc Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai phân bổ dự toán năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-CTK ngày 20/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1435/QĐ-TCTK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục Thống kê về việc giao Dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho Cục Thống kê Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thống kê Bắc Giang (chỉ tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê các huyện, khu vực chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT.

CỤC TRƯỞNG

Đông Văn Sùng

Đơn vị: Cục Thống kê Bắc Giang
Chương:013



CÔNG KHAI THỰC HIỆN PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2024

Kiểm theo Quyết định số 04/QĐ-CTK ngày 09/01/2024 của Cục Thống kê Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được giao	Tổng dự toán đã phân bổ	Chi cục TK KV Bắc Yên Dũng	Chi cục TK Yên Thế	Chi cục TK Tân Yên	Chi cục TK Làng Giang	Chi cục TK Lục Nam	Chi cục TK Lục Ngạn	Chi cục TK Sơn Động	Chi cục TK Việt Yên	Chi cục TK Hiệp Hoà	Văn phòng Cục
1	2	3	4	5	6								
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.994	26.994	2.709	1.159	1.221	1.469	1.362	1.513	1.087	1.581	1.420	13,475
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.994	26.994	2.709	1.159	1.221	1.469	1.362	1.513	1.087	1.581	1.420	13,475
1	Chi quản lý hành chính	26.994	26.994	2.709	1.159	1.221	1.469	1.362	1.513	1.087	1.581	1.420	13,475
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.298	14.298	1.408,5	409	521	618,5	512	612,5	487	830,5	570	8,329
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.696	12.696	1.300	750	700	850	850	900	600	750	850	5,146
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ												
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
4	Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												